

**Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển
Công nghệ Điện tử Viễn thông**

Báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty

Ngày 31 tháng 12 năm 2015



Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng của Văn phòng Công ty	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Văn phòng Công ty	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng của Văn phòng Công ty	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty	11 - 50

1/0
84
ER
1/0
1/0

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 17 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 2 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- ▶ Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- ▶ Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- ▶ Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau:

- ▶ Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Văn phòng đại diện Tây Hồ tại biệt thự số 41, khu biệt thự Tây Hồ - số 10, Phố Đặng Thai Mai, Quận Tây Hồ, Hà Nội; và
- ▶ Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch
Ông Trần Hùng Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên
Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Trưởng Ban kiểm soát	
Ông Phạm Minh Thắng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015
Bà Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015
Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên	

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Chiến Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Hùng Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phan Chiến Thắng, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

08
T
M H
Y
NA
N

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Văn phòng Công ty, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Văn phòng Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Văn phòng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Văn phòng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Văn phòng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.


Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Số tham chiếu: 61141397/17685413

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 50, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng của Văn phòng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Văn phòng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty (bao gồm Văn phòng Công ty và chi nhánh) và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp/hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 28 tháng 3 năm 2016 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1067-2013-004-1



Nguyễn Quốc Anh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2584-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		671.251.638.834	664.433.247.266
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	64.822.773.461	45.029.468.184
111	1. Tiền		23.047.773.461	38.877.208.198
112	2. Các khoản tương đương tiền		41.775.000.000	6.152.259.986
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		5.201.543.907	8.251.543.907
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	4.414.215.740	4.414.215.740
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	(2.962.671.833)	(2.962.671.833)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	3.750.000.000	6.800.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		481.408.218.001	530.945.323.750
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	337.274.530.300	330.540.245.170
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	34.585.762.740	42.536.923.080
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	28	932.370.474	598.873.033
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	6.000.000.000	11.000.000.000
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	8	105.434.761.773	149.289.668.007
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 8	(2.819.207.286)	(3.020.385.540)
140	IV. Hàng tồn kho	9	119.401.245.837	72.464.230.036
141	1. Hàng tồn kho		119.401.245.837	72.464.230.036
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		417.857.628	7.742.681.389
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	417.857.628	420.384.544
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	15	-	7.322.296.845
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		392.541.759.377	433.003.474.407
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		26.349.325.536	23.752.235.938
213	1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	28	11.848.300.536	9.256.025.938
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	28	14.400.000.000	14.400.000.000
216	3. Phải thu dài hạn khác	8	101.025.000	96.210.000
220	II. Tài sản cố định		139.571.244.231	151.879.407.770
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	137.989.503.637	151.841.389.206
222	Nguyên giá		200.991.194.235	189.526.601.572
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(63.001.690.598)	(37.685.212.366)
227	2. Tài sản cố định vô hình		1.581.740.594	38.018.564
228	Nguyên giá		1.979.639.881	43.039.881
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(397.899.287)	(5.021.317)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		6.079.105.234	34.274.677.477
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	6.079.105.234	34.274.677.477
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	212.953.089.098	216.676.875.035
251	1. Đầu tư vào công ty con		103.552.860.000	95.902.860.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	5.000.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		127.679.789.500	144.403.982.001
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(18.279.560.402)	(28.629.966.966)
260	V. Tài sản dài hạn khác		7.588.995.278	6.420.278.187
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	7.588.995.278	6.420.278.187
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.063.793.398.211	1.097.436.721.673

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		309.776.760.386	381.978.940.855
310	I. Nợ ngắn hạn		289.150.759.796	367.465.180.827
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	149.940.733.457	190.597.221.338
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	7.415.154.086	66.003.519.445
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	17.949.839.166	12.087.215.315
314	4. Phải trả người lao động		11.443.057.229	5.609.898.406
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		972.864.921	375.569.773
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		284.419.200	5.002.024.920
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	17.601.972.992	19.001.240.060
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		78.275.268.628	63.895.628.709
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	2.820.314.366	2.335.142.778
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.447.135.751	2.557.720.083
330	II. Nợ dài hạn		20.626.000.590	14.513.760.028
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	12.600.439.736	10.365.139.217
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	18	8.025.560.854	4.148.620.811
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		754.016.637.825	715.457.780.818
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	754.016.637.825	715.457.780.818
411	1. Vốn cổ phần		415.719.980.000	379.399.090.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		415.719.980.000	379.399.090.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		88.712.010.000	118.432.900.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.281.500.000)	(71.500.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		33.775.255.576	31.975.255.576
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.200.000.000	5.200.000.000
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		211.890.892.249	180.522.035.242
421a	- Lợi nhuận chưa phân phối đến cuối năm trước		126.401.944.442	105.271.066.254
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay		85.488.947.807	75.250.968.988
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.063.793.398.211	1.097.436.721.673

Người lập
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh

Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	676.363.869.661	265.845.484.933
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	676.363.869.661	265.845.484.933
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(463.011.037.456)	(177.247.360.057)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		213.352.832.205	88.598.124.876
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	15.947.462.791	54.410.538.126
22	7. Chi phí tài chính	23	(34.366.650.597)	(18.428.526.553)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(3.488.261.995)	(5.669.975.479)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(22.523.376.805)	(13.593.254.618)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(64.516.723.680)	(38.060.250.552)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		107.893.543.914	72.926.631.279
31	11. Thu nhập khác	25	2.527.137.051	5.519.803.185
32	12. Chi phí khác	25	(11.396.977.327)	(604.304.599)
40	13. (Lỗ)/lợi nhuận khác	25	(8.869.840.276)	4.915.498.586
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		99.023.703.638	77.842.129.865
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(13.534.755.831)	(2.591.160.877)
52	16. Thu nhập thuế hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		85.488.947.807	75.250.968.988

Người lập
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh

Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


Đơn vị tính: VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ		646.923.973.417	284.544.443.342
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(505.084.603.749)	(202.157.806.549)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(42.439.495.400)	(37.827.092.163)
04	Tiền chi trả lãi		(3.482.858.461)	(5.669.975.479)
05	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	27.2	(7.921.012.697)	(1.693.359.669)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		41.148.180.283	28.574.903.965
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(77.005.392.930)	(32.043.339.162)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		52.138.790.463	33.727.774.285
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(42.163.557.523)	(67.225.303.411)
22	Thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		92.727.273	2.476.276.273
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(4.061.000.000)	(21.680.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		10.093.971.507	7.398.500.000
25	Tiền chi góp vốn đầu tư vào các công ty khác		(12.045.000.000)	(19.552.300.000)
26	Tiền thu hồi góp vốn đầu tư vào các công ty khác		12.693.845.959	11.484.404.136
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		25.033.833.769	20.104.681.533
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(10.355.179.015)	(66.993.741.469)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		6.600.000.000	6.600.000.000
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		(1.210.000.000)	(71.500.000)
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		133.520.939.045	112.969.149.556
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(116.905.998.607)	(108.852.363.189)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(43.993.564.275)	(29.329.579.922)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(21.988.623.837)	(18.684.293.555)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		19.794.987.611	(51.950.260.739)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		45.029.468.184	96.978.175.285
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		(1.682.334)	1.553.638
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	64.822.773.461	45.029.468.184


Người lập
Chu Hồng Hạnh


Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh



Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 17 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 2 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- ▶ Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- ▶ Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- ▶ Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau:

- ▶ Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Văn phòng đại diện Tây Hồ tại biệt thự số 41, khu biệt thự Tây Hồ - số 10, Phố Đặng Thai Mai, Quận Tây Hồ, Hà Nội; và
- ▶ Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là: 237 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 195).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 5 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
1	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	99,45%	99,45%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Buôn bán kim loại, sản xuất kim loại màu và kim loại quý.
2	Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	100%	100%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Sản xuất phần mềm máy tính, lắp đặt hệ thống dây chuyền công nghệ cao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong năm</i>
3	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn (I)	52,39%	52,44%	91 đường Trần Hưng Đạo, tổ 11A, Phường Đức Xuân, Thị xã Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn.	Thăm dò, khai thác quặng, chế biến và mua bán các loại khoáng sản.
4	Công ty Cổ phần Elcom Plus	51,00%	51,00%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Sản xuất thiết bị truyền thông.
5	Công ty TNHH VTS Hải Phòng	65,00%	65,00%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Xây dựng hệ thống quản lý hàng hải tàu biển (VTS) luồng Hải Phòng theo hình thức BT.

- (i) Công ty nắm giữ trực tiếp và gián tiếp qua công ty con là Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông có chi nhánh và các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư 52/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 4 năm 2012 – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ("Thông tư 52") và Công văn số 1419/UBCK-PTTT – Hướng dẫn Thông tư số 52/2012/TT-BTC. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty (bao gồm Văn phòng và chi nhánh) và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày vào ngày 28 tháng 3 năm 2016.

Báo cáo tài chính riêng này chỉ trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Văn phòng Công ty. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty cần đọc báo cáo tài chính này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và chi nhánh và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính tổng hợp/hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp/hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp/hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành kèm theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

Đã
NH
Y
CỦA
JUNG
M
P
H
A

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau.

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 244"). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính riêng kỳ này như đã trình bày tại Thuyết minh số 30.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu và hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo tài chính riêng.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phần mềm máy tính	5 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 8 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán của văn phòng Công ty và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sản xuất phân bổ cho mùa vụ;
- ▶ Các chi phí khác.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh Doanh riêng của Văn phòng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở các đơn vị nhận đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

CH
C
H
M
NST
VI
TẠI
VI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.
- ▶ giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Văn phòng Công ty.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

ĐƯỢC
NHẬN
CÔNG TY
CHẾ NHẬN
S. YOK
NAM
A NỘI
1-15

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.15 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	153.455.167	242.336.536
Tiền gửi ngân hàng	22.894.318.294	38.634.871.662
Các khoản tương đương tiền (*)	41.775.000.000	6.152.259.986
TỔNG CỘNG	64.822.773.461	45.029.468.184

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND với kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng mức lãi suất bình quân 4,7%/năm.

Các thông tin bổ sung về lưu chuyển tiền tệ:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số tiền đi vay thực thu trong năm		
- tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	133.520.939.045	112.969.149.556
- tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-	-
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
- tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	(116.905.998.607)	(108.852.363.189)
- tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu từ khách hàng	334.243.321.588	318.910.851.521
- Công ty TNHH Comverse	65.366.587.400	48.472.888.800
- Công ty Dịch vụ Viễn thông	1.093.953.414	164.991.361.493
- Tổng công ty Hạ tầng mạng	45.857.263.330	921.200.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	221.925.517.444	104.525.401.228
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	3.031.208.712	11.629.393.649
TỔNG CỘNG	337.274.530.300	330.540.245.170
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(894.907.286)	(1.409.960.540)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trả trước cho người bán	21.585.762.740	28.255.023.080
- Công ty TNHH Techcovina GP Nhà thông minh	5.381.880.520	5.381.880.520
- Các khoản trả trước khác	16.203.882.220	22.873.142.560
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 28)	13.000.000.000	14.281.900.000
TỔNG CỘNG	34.585.762.740	42.536.923.080

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>(Trình bày lại)</i>
Cho vay ngắn hạn khác (*)	6.000.000.000	6.000.000.000
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan (**)	-	5.000.000.000
TỔNG CỘNG	6.000.000.000	11.000.000.000

(*) Đây là khoản cho bà Nguyễn Phương Hải vay không có tài sản đảm bảo với số tiền là 6.000.000.000 VND, lãi suất 9%/năm theo thỏa thuận ban đầu. Công ty tạm dừng tính lãi vay đối với khoản cho vay này kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2013 theo thỏa thuận mới.

(**) Đây là khoản cho Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam vay không có tài sản đảm bảo với số tiền là 5.000.000.000 VND. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01-09/2015/NQ-HĐQT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và Thỏa thuận chấm dứt và thanh lý hợp đồng vay số 03-09/2015/TLHĐVV ngày 3 tháng 9 năm 2015, Công ty đã thu hồi được 693.791.507 VND từ khoản cho vay nói trên và Công ty đồng ý xóa nợ cho Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam đối với số tiền còn lại (bao gồm cả gốc và lãi) do công ty này không đủ khả năng thanh toán.

100
 I N P
 I N G
 H I E P
 T &
 E T I
 H A
 T M A

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Ngắn hạn				
Phải thu lợi nhuận từ Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	73.340.651.092	-	94.849.900.321	-
Phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà (i)	5.900.000.000	-	8.000.000.000	-
Phải thu Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	1.916.209.769	-	1.380.680.176	-
Phải thu Công ty Cổ phần Viễn thông Đồng Dương Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	3.689.885.279	-	3.478.885.279	-
Phải thu Công ty Liên doanh Dược phẩm Elogre France Việt Nam (ii)	-	-	1.057.777.778	-
Tam ứng cho nhân viên	2.719.132.561	-	6.798.450.285	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	3.520.414.291	-	14.603.886.541	-
Phải thu hàng cho mượn thử nghiệm (iii)	7.205.674.859	-	6.240.240.105	-
Phải thu Bà Nguyễn Phương Hải	2.005.750.000	(1.924.300.000)	2.005.750.000	(1.610.425.000)
Phải thu Bà Nguyễn Thị Minh Hiền	-	-	3.148.000.000	-
Phải thu Ông Nguyễn Đức Thiện	2.348.010.366	-	2.348.010.366	-
Phải thu khác từ các công ty và cá nhân khác	2.789.033.556	-	3.842.351.019	-
	105.434.761.773	(1.924.300.000)	149.289.668.007	(1.610.425.000)
Dài hạn				
Phải thu dài hạn khác	101.025.000	-	96.210.000	-
	101.025.000	-	96.210.000	-
TỔNG CỘNG	105.535.786.773	(1.924.300.000)	149.385.878.007	(1.610.425.000)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu khác</i>	26.589.040.633	(1.924.300.000)	48.591.549.812	(1.610.425.000)
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	78.946.746.140	-	100.794.328.195	-

- (i) Đây là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà liên quan đến khoản góp vốn đầu tư vào một dự án bất động sản trong năm 2007. Công ty hiện đang làm việc với các nhà đầu tư khác có liên quan đến dự án bất động sản này để thu hồi khoản góp vốn nêu trên.
- (ii) Đây là số tiền lãi phải thu từ khoản cho Công ty Liên doanh Dược phẩm Elogre France Việt Nam vay như được trình bày tại Thuyết minh số 7. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01-09/2015/NQ-HĐQT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và Thỏa thuận chấm dứt và thanh lý hợp đồng vay số 03-09/2015/TLHĐVV ngày 3 tháng 9 năm 2015, Công ty đồng ý xóa nợ cho Công ty Liên doanh Dược phẩm Elogre France Việt Nam khoản lãi phải thu này do công ty này không đủ khả năng thanh toán.
- (iii) Phải thu hàng cho mượn thử nghiệm chủ yếu bao gồm các khoản nhân viên mượn hàng đi lắp đặt chạy thử cho khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng đi đường	30.100.031.553	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	14.500.000	-	14.500.000	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	12.897.685	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	40.188.860.190	-	53.902.696.333	-
Thành phẩm	300.097.464	-	637.822.407	-
Hàng hóa	48.797.756.630	-	17.896.313.611	-
TỔNG CỘNG	119.401.245.837	-	72.464.230.036	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	76.895.898.119	73.703.998.447	22.902.559.751	16.024.145.255	189.526.601.572
- Mua trong năm	-	5.589.414.000	4.460.363.636	234.820.000	10.284.597.636
- Đầu tư XDCB hoàn thành	2.673.720.971	-	-	-	2.673.720.971
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.405.571.584)	(88.154.360)	(1.493.725.944)
Số dư cuối năm	<u>79.569.619.090</u>	<u>79.293.412.447</u>	<u>25.957.351.803</u>	<u>16.170.810.895</u>	<u>200.991.194.235</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	9.602.759.849	3.409.497.510	2.027.135.429	15.039.392.788
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số dư đầu năm	6.723.899.712	10.387.619.908	15.624.606.688	4.949.086.058	37.685.212.366
- Khấu hao trong năm	3.252.121.170	17.340.369.776	3.679.458.388	2.538.254.842	26.810.204.176
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.405.571.584)	(88.154.360)	(1.493.725.944)
Số dư cuối năm	<u>9.976.020.882</u>	<u>27.727.989.684</u>	<u>17.898.493.492</u>	<u>7.399.186.540</u>	<u>63.001.690.598</u>
Giá trị còn lại:					
Số dư đầu năm	<u>70.171.998.407</u>	<u>63.316.378.539</u>	<u>7.277.953.063</u>	<u>11.075.059.197</u>	<u>151.841.389.206</u>
Số dư cuối năm	<u>69.593.598.208</u>	<u>51.565.422.763</u>	<u>8.058.858.311</u>	<u>8.771.624.355</u>	<u>137.989.503.637</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Tài sản thế chấp (*)</i>	1.392.857.143	-	4.117.102.195	-	5.509.959.338

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc và phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 5.509.959.338 VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại như đã được trình bày trong Thuyết minh số 17.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Xây dựng hệ thống phòng sạch	-	1.368.873.980
Dự án Thanh Trì (*)	5.737.313.349	32.564.011.612
Dự án Từ Liêm (**)	246.601.885	246.601.885
Các dự án khác	95.190.000	95.190.000
TỔNG CỘNG	<u>6.079.105.234</u>	<u>34.274.677.477</u>

(*) Đây là các khoản chi phí liên quan đến việc đền bù, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ di dời và các chi phí khác để thực hiện Dự án xây dựng tổ hợp văn phòng, nhà chung cư, biệt thự, dịch vụ thương mại, khu cây xanh công cộng và các chức năng khác theo quy hoạch tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì. Trong năm 2015, Công ty đã chuyển nhượng 90% quyền thực hiện dự án cho Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thanh Liệt theo Hợp đồng số 01/2014/HTĐT/ELCOM-BĐSTHANHLIET ngày 11 tháng 12 năm 2015.

(**) Đây là khoản chi phí liên quan đến việc chuẩn bị thực hiện Dự án xây dựng tòa nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhà ở để bán tại thôn Kiều Mai, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>				<i>Số đầu năm</i>			
	<i>Số lượng (cổ phiếu)</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Số lượng (cổ phiếu)</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
Đầu tư vào công ty con		103.552.860.000	14.917.220.000	88.635.640.000		95.902.860.000	9.551.093.240	86.351.766.760
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	1.491.722	36.489.820.000	14.917.220.000	21.572.600.000	1.491.722	36.489.820.000	9.551.093.240	26.938.726.760
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	3.000.000	30.000.000.000	-	30.000.000.000	3.000.000	30.000.000.000	-	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	626.074	17.360.740.000	-	17.360.740.000	626.074	17.360.740.000	-	17.360.740.000
Công ty TNHH VTS Hải Phòng	1.205.230	12.052.300.000	-	12.052.300.000	1.205.230	12.052.300.000	-	12.052.300.000
Công ty Cổ phần Elcom Plus	765.000	7.650.000.000	-	7.650.000.000	-	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 12.2)						5.000.000.000		5.000.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	-	-	-	-	200.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Telsoft	-	-	-	-	300.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác		127.679.789.500	3.362.340.402	124.317.449.098		144.403.982.001	19.078.873.726	125.325.108.275
Đầu tư cổ phiếu (*)		89.908.289.500	3.362.340.402	86.545.949.098		105.675.448.324	19.078.873.726	86.596.574.598
Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam	540.000	11.826.000.000	-	11.826.000.000	540.000	11.826.000.000	-	11.826.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	1.250.000	28.590.000.000	947.834.253	27.642.165.747	1.250.000	28.590.000.000	594.809.797	28.005.190.203
Công ty Cổ phần Tư vấn Hạ tầng Viễn thông	600.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000	600.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Truyền thông Đa phương tiện Sáng kiến	87.496	2.148.349.500	-	2.148.349.500	87.496	2.148.349.500	-	2.148.349.500
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	14.689	115.000.000	-	115.000.000	10.886	115.000.000	-	115.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	36.000	360.000.000	-	360.000.000	36.000	360.000.000	-	360.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hà Giang	-	-	-	-	30.000	300.000.000	-	300.000.000
Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam (**)	-	-	-	-	1.645.000	21.100.898.824	17.380.545.581	3.720.353.243
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin IPMAC	-	-	-	-	30.000	750.000.000	-	750.000.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác (tiếp theo)								
Đầu tư cổ phiếu (*) (tiếp theo)								
Công ty Cổ phần Trung Văn	371.699	26.985.200.000	-	26.985.200.000	371.699	26.985.200.000	-	26.985.200.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân	1.189.500	11.895.000.000	2.414.506.149	9.480.493.851	750.000	7.500.000.000	1.113.518.348	6.386.481.652
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom (Thuyết minh số 12.2)	78.874	788.740.000	-	788.740.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Teisoft (Thuyết minh số 12.2)	120.000	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác		37.771.500.000	-	37.771.500.000		38.728.533.677	-	38.728.533.677
Dự án Trần Phú - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh (**)		37.771.500.000	-	37.771.500.000		37.771.500.000	-	37.771.500.000
Công ty Cổ phần Viễn thông Đông Dương		-	-	-		957.033.677	-	957.033.677
TỔNG CỘNG		231.232.649.500	18.279.560.402	212.953.089.098		245.306.842.001	28.629.966.966	216.676.875.035

(*) Do cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường nên Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các cổ phiếu này.

(**) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01-09/2015/NQ-HĐQT ngày 3 tháng 9 năm 2015, Hội đồng Quản trị đã thông qua Phương án chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Liên doanh Dược phẩm Elogé France Việt Nam. Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần sở hữu tại Công ty Liên doanh Dược phẩm Elogé France Việt Nam cho nhà đầu tư khác với giá 0 VND/cổ phiếu theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 03-09/2015/ELCOM ngày 3 tháng 9 năm 2015.

(***) Đây là khoản góp vốn để thực hiện Dự án "Xây dựng nhà ở hỗn hợp tái định cư" tại ô đất C13/DD2 thuộc phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, Hà Nội theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2011/HĐHTĐT/ELC-TLX ký với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu (%)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	99,45%	99,45%
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	100%	100%
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	52,44%	52,44%
Công ty TNHH VTS Hải Phòng	65%	65%
Công ty Cổ phần Elcom Plus	51%	51%

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1.

12.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu (%)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	15,7%	40%
Công ty Cổ phần Telsoft	8%	30%

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101816274 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu 4 tháng 11 năm 2005 và thay đổi lần 5 ngày 30 tháng 9 năm 2010. Công ty này có trụ sở chính tại số 18 Nguyễn Chí Thanh, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom là cung cấp các thiết bị xử lý nước thải và các sản phẩm điện tử tự động hóa khác.

Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng 24,3% vốn cổ phần tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty nắm 15,7% vốn cổ phần trong công ty này, và công ty này không còn là công ty liên kết của Công ty từ ngày 19 tháng 8 năm 2015.

Công ty Cổ phần Telsoft

Công ty Cổ phần Telsoft là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0102756187 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 8 tháng 7 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 25 tháng 10 năm 2011. Công ty này có trụ sở chính tại số 102/125 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Telsoft là sản xuất gia công thiết kế và mua bán phần mềm, cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông.

Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng 22% vốn chủ sở hữu tại Công ty Cổ phần Telsoft. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty nắm 8% vốn chủ sở hữu trong công ty này, và công ty này không còn là công ty liên kết của Công ty từ ngày 1 tháng 10 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Tiền thuê văn phòng Tây Hồ	130.000.000	125.863.636
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	287.857.628	294.520.908
TỔNG CỘNG	417.857.628	420.384.544
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	642.764.565	480.420.020
Chi phí dự án thử nghiệm vi sinh	6.946.230.713	5.939.858.167
TỔNG CỘNG	7.588.995.278	6.420.278.187

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả ngắn hạn cho người bán	138.304.813.755	138.304.813.755	173.390.610.006	173.390.610.006
- Telink Group INC	24.018.106.500	24.018.106.500	-	-
- Công ty TNHH Comverse	13.790.545.410	13.790.545.410	63.421.898.400	63.421.898.400
- Công ty SIAE Microelfetronica S.P.A	-	-	23.036.690.793	23.036.690.793
- Phải trả đối tượng khác	100.496.161.845	100.496.161.845	86.932.020.813	86.932.020.813
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	11.635.919.702	11.635.919.702	17.206.611.332	17.206.611.332
TỔNG CỘNG	149.940.733.457	149.940.733.457	190.597.221.338	190.597.221.338

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	7.415.154.086	31.002.226.998
- Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	3.420.000.000	3.420.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 194	3.103.725.086	3.103.725.086
- Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	-	7.673.443.000
- Cục Kỹ thuật Nghiệp vụ I	-	9.203.824.000
- Người mua trả tiền trước khác	891.429.000	7.601.234.912
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 28)	-	35.001.292.447
TỔNG CỘNG	7.415.154.086	66.003.519.445

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	9.964.332	17.921.897.067	(15.320.649.516)	2.611.211.883
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.125.847.051	(1.125.847.051)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 27.2)	6.606.790.044	13.534.755.831	(7.921.012.697)	12.220.533.178
Thuế thu nhập cá nhân	5.460.496.607	3.634.164.237	(8.933.420.062)	161.240.782
Thuế nhà thầu	9.964.332	797.438.842	(599.121.631)	208.281.543
Tiền phạt chậm nộp thuế phải trả	-	4.704.109.348	(1.955.537.568)	2.748.571.780
TỔNG CỘNG	12.087.215.315	41.718.212.376	(35.855.588.525)	17.949.839.166

Đơn vị tính: VND

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải thu trong năm</i>	<i>Số đã thu trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	7.322.296.845	-	(7.322.296.845)	-
TỔNG CỘNG	7.322.296.845	-	(7.322.296.845)	-

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nhập khẩu ủy thác phải trả	-	8.004.108.824
Quý hoạt động của Hội đồng Quản trị	3.404.882.230	3.404.882.230
Kinh phí công đoàn	3.473.523.979	3.223.391.979
Phải trả tiền nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	4.685.264.713	1.361.093.567
Phải trả cổ tức cho các cổ đông	795.003.288	731.116.383
Phải trả hàng mang đi bảo hành	3.410.410.576	1.680.925.059
Phải trả tiền đền bù bảo lãnh bảo hành	1.259.141.700	-
Phải trả phải nộp khác	573.746.506	595.722.018
TỔNG CỘNG	17.601.972.992	19.001.240.060
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	877.500	1.273.828.854
<i>Phải trả khác</i>	17.601.095.492	17.727.411.206

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Số đầu năm</i>		<i>Số phát sinh trong năm</i>		<i>Số cuối năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Vay ngắn hạn						
Vay cá nhân	9.500.000.000	9.500.000.000	-	7.000.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	5.520.147.000	5.520.147.000	17.488.328.931	5.108.120.931	17.900.355.000	17.900.355.000
Vay ngân hàng ngắn hạn	48.875.481.709	48.875.481.709	113.797.309.595	104.797.877.676	57.874.913.628	57.874.913.628
	63.895.628.709	63.895.628.709	131.285.638.526	116.905.998.607	78.275.268.628	78.275.268.628
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng dài hạn	10.365.139.217	10.365.139.217	19.723.629.450	17.488.328.931	12.600.439.736	12.600.439.736
	10.365.139.217	10.365.139.217	19.723.629.450	17.488.328.931	12.600.439.736	12.600.439.736
TỔNG CỘNG	74.260.767.926	74.260.767.926	151.009.267.976	134.394.327.538	90.875.708.364	90.875.708.364

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

17.1 Các khoản vay ngắn hạn

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	39.104.572.496	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ là 6 tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 30 tháng 6 năm 2016. Lãi vay trả hàng tháng	6,7%	Khoản vay được thế chấp bằng một số tài sản cố định hữu hình của Công ty (Thuyết minh số 10) và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân
Ông Ngô Quý Hiệp	2.500.000.000	Kỳ hạn vay 12 tháng. Khoản gốc và lãi vay trả vào ngày 2 tháng 8 năm 2016	5%	Tin chấp
Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	18.770.341.132	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ là 6 tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 30 tháng 6 năm 2016. Lãi vay trả hàng tháng	6,4%	Tin chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thăng Long – Khoản nợ dài hạn đến hạn trả	17.900.355.000	Gốc và lãi vay được trả hàng tháng	8%	Khoản vay được thế chấp bằng một số tài sản cố định hữu hình của Công ty (Thuyết minh số 10) và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân
TỔNG CỘNG	<u>78.275.268.628</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VÂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

17.2 Các khoản vay dài hạn

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	12.600.439.736	Gốc và lãi vay được trả hàng tháng, khoản gốc vay cuối cùng được trả vào tháng 12 năm 2018	8%	Khoản vay được thế chấp bằng một số tài sản cố định hữu hình của Công ty (Thuyết minh số 10) và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân
TỔNG CỘNG	12.600.439.736			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: VND

*Dự phòng chi phí
bảo hành*

Số đầu năm	6.483.763.589
- Tăng trong năm	9.780.540.161
- Sử dụng trong năm	(2.463.165.828)
- Hoàn nhập dự phòng không sử dụng	(2.955.262.702)
Số cuối năm	10.845.875.220
<i>Trong đó:</i>	
<i>Dự phòng phải trả ngắn hạn</i>	<i>2.820.314.366</i>
<i>Dự phòng phải trả dài hạn</i>	<i>8.025.560.854</i>

Dựa trên tình hình sản phẩm cần sửa chữa và trả lại trong quá khứ, Công ty đã ghi nhận một khoản dự phòng cho chi phí bảo hành có thể phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ của Công ty được bán ra trong 1,5 năm qua. Công ty ước tính chi phí dự phòng cho bảo hành dựa trên doanh số hiện tại và các thông tin hiện có về tỷ lệ hàng trả lại, sửa chữa trong thời hạn từ một đến 1,5 năm bảo hành cho toàn bộ sản phẩm bán ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	<i>Vốn góp</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Năm trước							
Số đầu năm	373.399.090.000	117.832.900.000	-	28.975.255.576	5.200.000.000	142.722.993.454	668.130.239.030
- Tăng vốn trong năm	6.000.000.000	600.000.000	-	-	-	-	6.600.000.000
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	75.250.968.988	75.250.968.988
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(30.351.927.200)	(30.351.927.200)
- Trích lập quỹ	-	-	-	3.000.000.000	-	(3.000.000.000)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(4.100.000.000)	(4.100.000.000)
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(71.500.000)	-	-	-	(71.500.000)
Số cuối năm (Trình bày lại)	379.399.090.000	118.432.900.000	(71.500.000)	31.975.255.576	5.200.000.000	180.522.035.242	715.457.780.818
Năm nay							
Số đầu năm	379.399.090.000	118.432.900.000	(71.500.000)	31.975.255.576	5.200.000.000	180.522.035.242	715.457.780.818
- Tăng vốn trong năm (*)	36.320.890.000	(29.720.890.000)	-	-	-	-	6.600.000.000
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	85.488.947.807	85.488.947.807
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(45.520.090.800)	(45.520.090.800)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	1.800.000.000	-	(1.800.000.000)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.800.000.000)	(6.800.000.000)
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(1.210.000.000)	-	-	-	(1.210.000.000)
Số cuối năm	415.719.980.000	88.712.010.000	(1.281.500.000)	33.775.255.576	5.200.000.000	211.890.892.249	754.016.637.825

(*) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 001/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 01-06/2015/NQ-HĐQT ngày 4 tháng 6 năm 2015 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu phổ thông để tăng vốn cổ phần, với tổng số cổ phần phát hành thêm là 3.032.089 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu, từ nguồn thặng dư vốn cổ phần. Vào ngày 21 tháng 7 năm 2015, Công ty đã chính thức phát hành và niêm yết số lượng cổ phiếu này.

Trong năm 2015, Công ty đã phát hành và niêm yết bổ sung 600.000 cổ phiếu phổ thông được chào bán cho nhân viên của Công ty, với giá chào bán là 11.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết số 01-11/2015/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 11 năm 2015. Số lượng cổ phiếu phổ thông này được chính thức niêm yết từ ngày 2 tháng 2 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VÂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	415.719.980.000	415.719.980.000	-	379.399.090.000	379.399.090.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	88.712.010.000	88.712.010.000	-	118.432.900.000	118.432.900.000	-
Cổ phiếu quỹ	(1.281.500.000)	(1.281.500.000)	-	(71.500.000)	(71.500.000)	-
TỔNG CỘNG	503.150.490.000	503.150.490.000	-	497.760.490.000	497.760.490.000	-

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Vốn góp đầu năm	379.399.090.000	373.399.090.000
Tăng vốn trong năm	36.320.890.000	6.000.000.000
Giảm vốn trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	415.719.980.000	379.399.090.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	45.520.090.800	30.351.927.200

19.4 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm	45.520.090.800	30.351.927.200
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	45.520.090.800	30.351.927.200
- Cổ tức cho năm 2013: 800 VNĐ/cổ phiếu	-	30.351.927.200
- Cổ tức cho năm 2014: 1.200 VNĐ/cổ phiếu	45.520.090.800	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.5 Cổ phiếu

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị VND</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị VND</i>
Cổ phiếu đã được duyệt	41.571.998	415.719.980.000	37.939.909	379.399.090.000
Cổ phiếu đã phát hành	41.571.998	415.719.980.000	37.939.909	379.399.090.000
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>	<i>41.571.998</i>	<i>415.719.980.000</i>	<i>37.939.909</i>	<i>379.399.090.000</i>
Cổ phiếu phổ thông	41.571.998	415.719.980.000	37.939.909	379.399.090.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	116.500	1.281.500.000	6.500	71.500.000
<i>Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ</i>	<i>116.500</i>	<i>1.281.500.000</i>	<i>6.500</i>	<i>71.500.000</i>
Cổ phiếu phổ thông	116.500	1.281.500.000	6.500	71.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	41.455.498	414.438.480.000	37.933.409	379.327.590.000
Cổ phiếu phổ thông	41.455.498	414.438.480.000	37.933.409	379.327.590.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	1.767,97	7.893,34
Nợ khó đòi đã xử lý (*)	6.057.777.778	-

(*) Đây là khoản cho Công ty Liên doanh Dược phẩm Elogre France Việt Nam vay không có tài sản đảm bảo với số tiền là 5.000.000.000 VND và khoản phải thu khác (bao gồm cho vay không lãi và lãi vay phải thu) từ Công ty Liên doanh Dược phẩm Elogre France Việt Nam với số tiền là 1.057.777.778 VND. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01-09/2015/NQ-HĐQT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và Thỏa thuận chấm dứt và thanh lý hợp đồng vay số 03-09/2015/TLHĐVV ngày 3 tháng 9 năm 2015, Công ty đã thu hồi được 693.791.507 VND từ khoản cho vay và phải thu nói trên và Công ty đồng ý xóa nợ cho Công ty Liên doanh Dược phẩm Elogre France Việt Nam đối với số tiền còn lại (bao gồm cả gốc và lãi) do công ty này không đủ khả năng thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	676.363.869.661	265.845.484.933
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>204.812.959.429</i>	<i>110.710.985.193</i>
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>343.586.231.340</i>	<i>94.600.286.302</i>
<i>Doanh thu bán thành phẩm phần mềm</i>	<i>63.601.259.939</i>	<i>59.191.232.560</i>
<i>Doanh thu thành phẩm khác</i>	<i>363.418.953</i>	<i>1.342.980.878</i>
<i>Doanh thu chuyển nhượng quyền tham gia dự án bất động sản</i>	<i>64.000.000.000</i>	<i>-</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	676.363.869.661	265.845.484.933
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>204.812.959.429</i>	<i>110.710.985.193</i>
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>343.586.231.340</i>	<i>94.600.286.302</i>
<i>Doanh thu bán thành phẩm phần mềm</i>	<i>63.601.259.939</i>	<i>59.191.232.560</i>
<i>Doanh thu thành phẩm khác</i>	<i>363.418.953</i>	<i>1.342.980.878</i>
<i>Doanh thu chuyển nhượng bất động sản</i>	<i>64.000.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	<i>580.343.117.521</i>	<i>259.759.591.626</i>
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	<i>96.020.752.140</i>	<i>6.085.893.307</i>

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.153.336.715	2.995.564.242
Cổ tức, lợi nhuận được chia	573.729.559	837.501.313
Lợi nhuận công ty con chuyển về	6.536.398.270	36.412.155.028
Lợi nhuận từ thanh lý các khoản đầu tư	3.570.518.604	-
Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	13.774.910.389
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.113.479.643	390.407.154
TỔNG CỘNG	15.947.462.791	54.410.538.126

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ	149.554.857.895	90.739.870.789
Giá vốn hàng hóa đã bán	254.078.670.898	66.002.414.731
Giá vốn thành phẩm phần mềm	7.428.559.371	19.552.136.087
Giá vốn của thành phẩm khác	313.129.150	952.938.450
Giá vốn chuyển nhượng quyền tham gia dự án bất động sản	51.635.820.142	-
TỔNG CỘNG	463.011.037.456	177.247.360.057

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	3.488.261.995	5.669.975.479
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.763.911.594	1.158.423.592
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	7.030.139.017	11.600.095.039
Chi phí thanh lý các khoản đầu tư	9.084.159.514	-
Chi phí từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	4.000.000.000	-
Chi phí tài chính khác	178.477	32.443
TỔNG CỘNG	<u>34.366.650.597</u>	<u>18.428.526.553</u>

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí vật tư thiết bị thử nghiệm	331.681.920	79.915.812
Chi phí bảo hành hàng hoá	9.328.978.545	1.620.341.471
Chi phí bảo hành phần mềm	7.033.000	(5.527.400)
Phí chuyển tiền, bảo lãnh ngân hàng	1.720.412.337	1.210.582.956
Chi phí công tác, xăng xe, đi lại	3.985.275.857	3.841.379.960
Chi phí tiếp khách, hội thảo, marketing	5.606.381.431	6.260.835.146
Chi phí bán hàng khác	1.543.613.715	585.726.673
TỔNG CỘNG	<u>22.523.376.805</u>	<u>13.593.254.618</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí lương	47.431.096.383	35.864.925.116
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.411.112.220	3.151.612.924
Chi phí khấu hao	6.984.672.897	7.331.221.356
Chi phí điện, nước, điện thoại, thuê văn phòng	3.515.414.248	3.194.324.476
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.174.427.932	(11.481.833.320)
TỔNG CỘNG	<u>64.516.723.680</u>	<u>38.060.250.552</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Thu nhập khác	2.527.137.051	5.519.803.185
Thu nhập khác từ các chương trình gameshow	1.600.000.000	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định	92.727.273	-
Thu nhập khác	834.409.778	5.519.803.185
Chi phí khác	11.396.977.327	604.304.599
Phạt chậm hợp đồng	5.883.219.210	-
Phạt chậm nộp thuế từ các năm trước	4.976.135.360	-
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	46.743.692
Chi phí khác	537.622.757	557.560.907
(LỖ)/LỢI NHUẬN THUẦN KHÁC	(8.869.840.276)	4.915.498.586

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	1.115.596.143
Chi phí mua hàng hóa	410.737.588.731	77.976.898.304
Chi phí nhân công	52.439.489.673	46.827.734.820
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.203.082.146	22.867.931.439
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.973.172.654	62.287.641.565
Chi phí dự phòng bảo hành	9.336.011.545	1.614.814.071
Chi phí bằng tiền khác	18.361.793.192	16.210.248.885
TỔNG CỘNG	550.051.137.941	228.900.865.227

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm bằng 10% lợi nhuận thu được trong vòng 15 năm đầu hoạt động. Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm 2005), và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm trên.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN bằng 22% lợi nhuận thu được từ các hoạt động khác.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	13.029.508.099	2.591.160.877
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước	505.247.732	-
TỔNG CỘNG	13.534.755.831	2.591.160.877

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	99.023.703.638	77.842.129.865
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>11.890.873.135</i>	<i>2.403.181.064</i>
Các khoản phạt	4.976.135.360	-
Chi phí khấu hao vượt định mức	795.889.740	538.489.724
Chi phí thiếu hóa đơn chứng từ hợp lý hợp lệ	1.535.679.518	1.864.691.340
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước	583.168.517	-
Chi phí đã tính thuế từ hoạt động đầu tư	4.000.000.000	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(8.288.796.840)</i>	<i>(37.832.824.858)</i>
Thu nhập đã tính thuế từ công ty con	(6.536.398.270)	(36.412.155.028)
Thu nhập đã tính thuế từ các khoản đầu tư	(573.729.559)	(837.501.313)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tài sản	(1.178.669.011)	(583.168.517)
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa căn trừ lỗ năm trước	102.625.779.933	42.412.486.071
<i>Trong đó:</i>		
<i>Lợi nhuận từ kinh doanh phần mềm</i>	<i>56.165.667.568</i>	<i>39.644.623.873</i>
<i>Lợi nhuận từ kinh doanh hàng hóa và dịch vụ</i>	<i>37.286.710.797</i>	<i>2.767.862.198</i>
<i>Lợi nhuận từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án bất động sản</i>	<i>9.173.401.568</i>	<i>-</i>
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện tại	102.625.779.933	42.412.486.071
Thuế TNDN ước tính trong năm hiện tại	13.029.508.099	2.591.160.877
<i>Chi phí thuế TNDN cho dịch vụ phần mềm</i>	<i>2.808.283.378</i>	<i>1.982.231.194</i>
<i>Chi phí thuế TNDN cho hoạt động khác</i>	<i>10.221.224.720</i>	<i>608.929.683</i>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	6.606.790.044	5.708.988.836
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước (*)	505.247.732	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(7.921.012.697)	(1.693.359.669)
Thuế TNDN phải trả cuối năm <i>(Thuyết minh số 15)</i>	12.220.533.178	6.606.790.044

(*) Đây là khoản thuế TNDN phải nộp bổ sung cho quyết toán thuế năm tài chính 2012 và 2013 căn cứ theo Quyết định số 28801/QĐ-CT-Ktra ngày 7 tháng 6 năm 2015 về việc xử phạt vi phạm về thuế qua việc kiểm tra chấp hành pháp luật thuế của Cục thuế Thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	Công ty con	Mua hàng hóa	20.400.248.750	38.617.858.640
		Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.536.398.270	36.412.155.028
		Cho thuê văn phòng, thuê xe	3.260.952.065	2.821.305.721
		Bán hàng hóa	279.366.000	736.567.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	Công ty con	Lãi vay phải thu	1.013.600.000	1.022.000.000
		Cho thuê văn phòng, thuê xe	244.990.478	367.008.012
		Mua hàng hóa	400.000.000	381.600.000
		Cho vay không lãi	100.000.000	250.000.000
		Bán hàng hóa	-	2.070.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty con	Cho vay không lãi	211.000.000	2.250.000.000
		Cho thuê văn phòng, thuê xe	2.150.000	6.575.000
Công ty TNHH VTS Hải Phòng	Công ty con	Bán thiết bị, phần mềm hệ thống cảng	91.747.749.582	-
		Cho thuê văn phòng, ô tô	104.727.273	34.909.091
		Ứng trước tiền hàng	-	34.977.685.000
Công ty Cổ phần Elcom Plus	Công ty con	Cho thuê văn phòng, chỗ đặt thiết bị	380.816.742	49.528.483
		Góp vốn	7.650.000.000	-
		Sử dụng dịch vụ	8.094.354.764	507.065.837
		Bán tài sản	-	8.197.975.230
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc	Trả hộ chi phí	4.914.300.000	6.021.450.000
		Đầu tư vốn cổ phần	2.592.274.598	1.640.000.000

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty TNHH VTS Hải Phòng	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	38.400.000	38.400.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa xuân hòa lạc	Công ty con	Cho thuê ô tô	-	49.734.300
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	2.395.037.933	2.277.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	597.770.779	595.405.779
Công ty Cổ phần Elcom Plus	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	-	8.505.653.570
Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam	Đơn vị nhận đầu tư	Cho thuê văn phòng	-	163.200.000
TỔNG CỘNG			3.031.208.712	11.629.393.649
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)				
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	Công ty con	Ứng trước mua hàng hóa	-	1.281.900.000
Ông Trần Hùng Giang (*)	Phó Tổng Giám đốc	Trả trước tiền đất dự án Từ Liêm	4.030.000.000	4.030.000.000
Ông Ngô Ngọc Hà (*)	Thành viên Hội đồng Quản trị	Trả trước tiền đất dự án Từ Liêm	2.990.000.000	2.990.000.000
Bà Nguyễn Thị Lê Thủy (*)	Vợ ông Phan Chiến Thắng - Tổng Giám đốc	Trả trước tiền đất dự án Từ Liêm	5.980.000.000	5.980.000.000
TỔNG CỘNG			13.000.000.000	14.281.900.000

(*) Đây là các khoản tạm ứng theo Biên bản góp vốn ngày 25 tháng 10 năm 2012 giữa Công ty và các bên liên quan để đầu tư vào dự án xây dựng tòa nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhà ở để bán tại thôn Kiều Mai, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VẤN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khác (Thuyết minh số 8)				
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	Công ty con	Thu lợi nhuận	73.340.651.092	94.849.900.321
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	Công ty con	Phải thu lãi cho vay, phải thu khác	1.916.209.769	1.380.680.176
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kan	Công ty con	Phải thu đầu tư Lãi vay	3.281.000.000 408.885.279	3.070.000.000 408.885.279
Công ty Liên doanh được phẩm Eloge France Việt Nam	Đơn vị nhận đầu tư	Cho vay không lãi suất Phải thu lãi vay	- -	700.000.000 357.777.778
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	Công ty liên kết	Cho vay không lãi Hàng gửi bảo hành	- -	7.800.000 19.284.641
			78.946.746.140	100.794.328.195
Phải thu về cho vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	Công ty con	Cho vay dài hạn	14.400.000.000	14.400.000.000
			14.400.000.000	14.400.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14.1)				
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	Công ty con	Nhập phần mềm, mua hàng hóa	7.712.207.433	11.987.429.550
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	Công ty liên kết	Nhập phần mềm, mua hàng hóa	-	4.712.115.945
Công ty Cổ phần Elcom Plus	Công ty con	Nhập phần mềm	3.923.712.269	507.065.837
			11.635.919.702	17.206.611.332

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VẠN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 14.2)				
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	-	23.607.447
Công ty TNHH VTS Hải Phòng	Công ty con	Bán hàng hóa	-	34.977.685.000
			-	35.001.292.447

Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 16)

Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	Công ty con	Trả hộ chi phí	877.500	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	Công ty liên kết	Nhận ký quỹ, ký cược để thực hiện hợp đồng	-	1.273.828.854
			877.500	1.273.828.854

Phải thu nội bộ ngắn hạn

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc	Trả hộ chi phí	932.370.474	598.873.033
			932.370.474	598.873.033

Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc	Cấp vốn kinh doanh	11.848.300.536	9.256.025.938
			11.848.300.536	9.256.025.938

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	3.487.240.000	3.071.690.000
	3.487.240.000	3.071.690.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các khoản tiền phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê văn phòng được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	2.057.340.000	1.373.755.657
	2.057.340.000	1.373.755.657

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	6.817.521.381	9.721.063.455
Từ 1 – 5 năm	552.844.294	972.216.960
	7.370.365.675	10.693.280.415

Các cam kết liên quan đến các khoản đầu tư, góp vốn

<i>STT</i>	<i>Bên nhận đầu tư</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		<i>Cam kết góp vốn của Công ty</i>	<i>Số vốn thực góp</i>
			<i>Số vốn chưa góp</i>
1	Công ty TNHH MTV Nghiên cứu Phát triển Khoa học Công nghệ Elcom	25.000.000.000	-
2	Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa xuân	22.500.000.000	11.895.000.000
3	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	6.968.000.000	6.260.740.000
4	Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	15.000.000.000	12.500.000.000
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	900.000.000	360.000.000
6	Dự án Trần Phú - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	468.050.000.000	37.771.500.000
		538.418.000.000	68.787.240.000
			469.630.760.000

STT
 CH
 CỔ
 CH NH
 NST
 VIẾT
 TẠI H
 KIẾN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Các tổn thất tiềm tàng

Tổn thất tiềm tàng liên quan đến các khoản phải thu khác

Như được trình bày tại Thuyết minh số 8, Công ty có khoản phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà ("Công ty Bắc Hà"). Đây là hợp đồng đã tồn đọng trong thời gian dài và Công ty hiện đang gặp khó khăn trong công tác thu hồi các khoản công nợ này do Công ty Bắc Hà đang gặp khó khăn về tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty hiện đang làm việc với các bên có liên quan đến hợp đồng nêu trên để tiến hành thu hồi khoản vốn đầu tư của Công ty. Trên cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khoản đầu tư này sẽ được thu hồi đầy đủ và do đó, không cần phải trích lập dự phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

30. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG DO ÁP DỤNG THÔNG TƯ 200

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính riêng của năm nay. Chi tiết như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại (được trình bày lại)</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Bảng cân đối kế toán riêng			
Chứng khoán kinh doanh	22.214.215.740	(17.800.000.000)	4.414.215.740
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	6.800.000.000	6.800.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	11.000.000.000	11.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	127.887.331.181	21.402.336.826	149.289.668.007
Tài sản ngắn hạn khác	21.402.336.826	(21.402.336.826)	-
Phải thu về cho vay dài hạn	-	14.400.000.000	14.400.000.000
Phải thu dài hạn khác	-	96.210.000	96.210.000
Đầu tư dài hạn khác	158.803.982.001	(14.400.000.000)	144.403.982.001
Tài sản dài hạn khác	96.210.000	(96.210.000)	-
Doanh thu chưa thực hiện (ngắn hạn)	-	5.002.024.920	5.002.024.920
Doanh thu chưa thực hiện (dài hạn)	5.002.024.920	(5.002.024.920)	-
Quỹ đầu tư phát triển	16.616.332.230	15.358.923.346	31.975.255.576
Quỹ dự phòng tài chính	15.358.923.346	(15.358.923.346)	-
			<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)</i>
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng			
Thu nhập khác	16.096.079.458	(10.576.276.273)	5.519.803.185
Chi phí khác	11.180.580.872	(10.576.276.273)	604.304.599

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG DO ÁP DỤNG THÔNG TƯ 200 (tiếp theo)

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính riêng của năm nay. Chi tiết như sau (tiếp theo):

<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây bao gồm chi phí tài chính)</i>	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại không bao gồm chi phí tài chính)</i>
---	---

Thuyết minh chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí khác	34.638.775.438	16.210.248.885
--------------	----------------	----------------

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 01-02/2016/NQ-HĐQT ngày 1 tháng 2 năm 2016 thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu năm 2016 để tài trợ cho chương trình ESOP 2013 - 2016 là 800.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu, dự kiến phát hành trong quý 1 năm 2016.

Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 01-03/2016/NQ-HĐQT ngày 2 tháng 3 năm 2016 thông qua phương án tạm ứng cổ tức năm 2015 bằng tiền mặt, với tỷ lệ tạm ứng là 6%/cổ phiếu.

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty.

			
Người lập Chu Hồng Hạnh	Kế toán trưởng Đặng Thị Thanh Minh	Tổng Giám đốc Phan Chiến Thắng	

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2016